

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 02- 8 -2022.

“V/v ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Phan Hữu Tỷ

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường - CBTA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Lương Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 02-8-2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 11-7-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Ngọc T, sinh năm 1993, có mặt

Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Bị đơn: Anh Bùi Quốc S, sinh năm 1974, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Chỗ ở hiện nay: Số 273 L, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Ngọc T trình bày:* Chị kết hôn với anh Bùi Quốc S vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được năm đầu, sau đó thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh S không tôn trọng gia đình chị, cuộc sống thường xuyên cãi nhau, anh S có hành vi đánh đập đối với chị, thời gian trước đây, chị T đã nộp đơn lên Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong 4 lần nhưng sau đó rút đơn về đoàn tụ, kể từ cuối năm 2020 cho đến nay chị và anh S đã sống ly thân. Hiện nay chị T cảm thấy

không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân với anh S được nữa, do vậy chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Quốc S.

Về con chung: Trong thời gian sống chung với nhau, giữa chị T và anh S có 01 con chung là Bùi Ngọc T, sinh ngày 14-5-2017, con chung hiện nay đang ở với chị T, nguyện vọng của chị T sau khi ly hôn được chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Nhà và đất tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 170, diện tích 176,4m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, giấy chứng nhận QSDĐ số CI 262377, do Sở tài nguyên và Môi trường cấp ngày 26-6-2017.

Diện tích đất 64m<sup>2</sup> tại thửa đất số 1283, tờ bản đồ số 12, Bộ địa chính phường 12, quận B, Tp. Hồ Chí Minh (nay là phường 13), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 544830 do Sở tài nguyên và Môi trường Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 12-02-2014, thay đổi sử dụng đất 15-5-2018.

Về nợ chung: Không có.

Thời điểm làm đơn khởi kiện, chị T yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật; trong quá trình giải quyết vụ án, chị T làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc chia tài sản chung, các yêu cầu khác chị vẫn giữ nguyên.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 14-3-2022 của anh Bùi Quốc S trình bày: Anh kết hôn với chị Lý Ngọc T vào năm 2016, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nhưng không tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, sau khi kết hôn anh và chị T sinh sống tại xã Q. Trong quá trình sống chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, do chênh lệch tuổi nên trong cuộc sống có khoảng cách nhất định, cuộc sống thường xảy ra cãi nhau, giữa anh và chị T đã sống ly thân hơn một năm trở lại đây, hiện nay chị T làm đơn ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thời gian sống chung giữa anh và chị T có 01 con chung Bùi Ngọc T, sinh ngày 14-5-2017, hiện con đang ở cùng chị T, nguyện vọng của anh khi ly hôn xin được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đối với các tài sản chung mà chị T trình bày nêu trên anh không đồng ý, tại bản tự khai bổ sung anh S trình bày, về tài sản chung và nợ chung giữa anh S và chị T đã tự thỏa thuận nên anh không yêu cầu, đề nghị gì về tài sản chung.

Do bận công việc và điều kiện đi lại xa nên anh S đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong phát biểu ý kiến với các nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án

kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Ngọc T được ly hôn với anh Bùi Quốc S; về con chung: Giao con chung Bùi Ngọc T cho chị Lý Ngọc T nuôi dưỡng, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn anh Bùi Quốc S đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, nguyên đơn yêu cầu giải quyết về vấn đề ly hôn, nuôi con nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Ngọc T và anh Bùi Quốc S chung sống và đăng ký kết hôn năm 2016, tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình chung sống, anh S và chị T đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được năm đầu, về sau xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, chênh lệch tuổi, giữa chị T và anh S đã sống ly thân kể từ năm 2020 cho đến nay, hiện tại chị T và anh S đều xác định không thể hàn gắn, xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh S và chị T đồng ý ly hôn; vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh S là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Trong thời gian sống chung với nhau, giữa chị T và anh S có 01 con chung là Bùi Ngọc T, sinh ngày 14-5-2017. Xét cả chị T và anh S đều có nguyện vọng nuôi con chung là yêu cầu chính đáng. Hội đồng xét xử nhận định. Về mức thu nhập, chị T, anh S đều kinh doanh, mức thu nhập không ổn định, tuy nhiên hàng tháng đều có thu nhập và đều có khả năng nuôi cháu Trang, tuy nhiên xét thấy hiện nay cháu Trang đang sinh sống ổn định cùng chị T, cháu còn nhỏ và là con gái nên cần thiết có sự quan tâm, chăm sóc của mẹ, mặt khác anh S cũng đã có hai người con riêng nên cần giao con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh S cấp dưỡng nuôi cháu Trang với mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh S được quyền đi lại, thăm nom con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Xét khi nộp đơn khởi kiện chị T yêu cầu giải quyết về tài sản chung, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, giữa chị T và anh

S đã thỏa thuận về tài sản chung, chị T xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung là phù hợp.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Ngọc T đối với anh Bùi Quốc S.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Ngọc T được ly hôn với anh Bùi Quốc S

1.2. Về con chung: Giao con chung Bùi Ngọc T, sinh ngày 14-5-2017 cho chị Lý Ngọc T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Quốc S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng. Thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trang đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của chị Lý Ngọc T.

2. Về án phí: Chị Lý Ngọc T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

đã nộp 21.300.000 đồng (*hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng*), chị T được hoàn trả lại số tiền 21.000.000 đồng (*hai mươi một triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004090 ngày 10-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Anh Bùi Quốc S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- UBND xã Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(ĐÃ KÝ)**

**Phạm Đình Hưng**

